

Số: 24 /QĐ - CTK

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng**  
**theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ HƯNG YÊN**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào cơ quan tổ chức trong hệ thống hành chính Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 1807/QĐ-BKHĐT ngày 18/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho cơ quan Thống kê ở Trung ương và cơ quan thống kê ở địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TCTK ngày 03/4/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi, xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001:2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-CTK ngày 01/02/2021 của Cục trưởng Cục Thống kê Hưng Yên về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;*

*Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO Cục Thống kê Hưng Yên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cục Thống kê Hưng Yên phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Lãnh đạo Cục Thống kê, Ban chỉ đạo ISO, toàn thể công chức và người lao động thuộc Cục Thống kê Hưng Yên căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thống kê (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng thuộc Cục;
- Lưu: VT, TCHC.



**Đào Trọng Truyền**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CỤC THỐNG KÊ HUNG YÊN ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU**  
**CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24./QĐ - CTK ngày 30/3/2021  
của Cục trưởng Cục Thống kê Hưng Yên)*

| STT      | Tên tài liệu                                                                                                                                | Mã số                     |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>A</b> | <b>MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>                                                                                                  |                           |
| 1        | Mô hình hệ thống quản lý chất lượng<br>- Chính sách Chất lượng<br>- Mục tiêu chất lượng<br>- Tổng hợp phân tích bối cảnh và quản trị rủi ro | C_SCL<br>M_TCL<br>P_TQTRR |
| 2        | Hướng dẫn Kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)                                                                                | HD.01                     |
| 3        | Hướng dẫn Quản lý rủi ro, cơ hội                                                                                                            | HD.02                     |
| 4        | Hướng dẫn Đánh giá nội bộ                                                                                                                   | HD.03                     |
| 5        | Hướng dẫn Kiểm soát sự KPH và HĐKP                                                                                                          | HD.04                     |
| <b>B</b> | <b>QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ</b>                                                                                               |                           |
| <b>I</b> | <b>Phòng Tổ chức Hành chính</b>                                                                                                             |                           |
| 1        | Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng công chức                                                                               | QT.TCHC.01                |
| 2        | Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý                                                                                | QT.TCHC.02                |
| 3        | Quy trình quản lý và sử dụng kinh phí điều tra thống kê                                                                                     | QT.TCHC.03                |
| 4        | Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn                                                                                              | QT.TCHC.04                |
| 5        | Quy trình mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng và tài sản sản cố định                                                                         | QT.TCHC.05                |
| 6        | Quy trình xây dựng, quản lý văn bản, quản lý chữ ký số chuyên dùng, con dấu, lập, bảo quản, lưu trữ, hồ sơ, tài liệu                        | QT.TCHC.06                |
| 7        | Quy trình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng                                                                                           | QT.TCHC.07                |
| 8        | Quy trình thực hiện công tác đánh giá cán bộ, công chức, lao động                                                                           | QT.TCHC.08                |

|            |                                                                          |            |
|------------|--------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>II</b>  | <b>Phòng Thống kê Tổng hợp</b>                                           |            |
| 9          | Quy trình biên soạn và phát hành niên giám thống kê cấp tỉnh             | QT.TKTH.09 |
| 10         | Quy trình cung cấp thông tin thống kê theo yêu cầu                       | QT.TKTH.10 |
| 11         | Quy trình thực hiện thanh tra thống kê                                   | QT.TKTH.11 |
| 12         | Quy trình thực hiện công tác phương pháp chế độ thống kê                 | QT.TKTH.12 |
| 13         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê kinh tế - xã hội                    | QT.TKTH.13 |
| 14         | Quy trình biên soạn và phát hành niên giám thống kê cấp huyện            | QT.TKTH.14 |
| 15         | Quy trình tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội      | QT.TKTH.15 |
| 16         | Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê Nhà nước     | QT.TKTH.16 |
| <b>III</b> | <b>Phòng Thống kê Xã hội</b>                                             |            |
| 17         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê lao động việc làm                   | QT.TKXH.17 |
| 18         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê dân số                              | QT.TKXH.18 |
| 19         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê xã hội                              | QT.TKXH.19 |
| <b>IV</b>  | <b>Phòng Thống kê Kinh tế</b>                                            |            |
| 20         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê Công nghiệp                         | QT.TKKT.20 |
| 21         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê xây dựng                            | QT.TKKT.21 |
| 22         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê vốn đầu tư                          | QT.TKKT.22 |
| 23         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê giá                                 | QT.TKKT.23 |
| 24         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê thương mại, dịch vụ và vận tải      | QT.TKKT.24 |
| 25         | Quy trình thực hiện báo cáo diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm | QT.TKKT.25 |
| 26         | Quy trình thực hiện báo cáo diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm  | QT.TKKT.26 |
| 27         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê chăn nuôi                           | QT.TKKT.27 |
| 28         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê lâm nghiệp                          | QT.TKKT.28 |
| 29         | Quy trình thực hiện báo cáo thống kê thủy sản                            | QT.TKKT.29 |
| <b>V</b>   | <b>Phòng Thu thập thông tin thống kê</b>                                 |            |
| 30         | Quy trình quản lý trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin         | QT.TTTT.30 |

|    |                                                                                                                                              |            |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 31 | Quy trình thực hiện điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp                                                                            | QT.TTTT.31 |
| 32 | Quy trình thực hiện điều tra năng suất, sản lượng lúa                                                                                        | QT.TTTT.32 |
| 33 | Quy trình thực hiện điều tra năng suất, sản lượng cây hằng năm khác                                                                          | QT.TTTT.33 |
| 34 | Quy trình thực hiện điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm                                                                                | QT.TTTT.34 |
| 35 | Quy trình thực hiện điều tra chăn nuôi                                                                                                       | QT.TTTT.35 |
| 36 | Quy trình thực hiện điều tra thủy sản                                                                                                        | QT.TTTT.36 |
| 37 | Quy trình thực hiện điều tra giá tiêu dùng tháng                                                                                             | QT.TTTT.37 |
| 38 | Quy trình thực hiện điều tra giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản                                                                       | QT.TTTT.38 |
| 39 | Quy trình thực hiện điều tra giá sản xuất công nghiệp                                                                                        | QT.TTTT.39 |
| 40 | Quy trình thực hiện điều tra giá xuất, nhập khẩu hàng hóa                                                                                    | QT.TTTT.40 |
| 41 | Quy trình thực hiện điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác                                                               | QT.TTTT.41 |
| 42 | Quy trình thực hiện điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa của DN Nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài; DN ngoài Nhà nước; HTX, cơ sở KD cá thể | QT.TTTT.42 |
| 43 | Quy trình thực hiện điều tra thống kê định kỳ các DN, HTX và cơ sở SXKD cá thể có hoạt động vận tải, kho bãi                                 | QT.TTTT.43 |
| 44 | Quy trình thực hiện điều tra ngành công nghiệp                                                                                               | QT.TTTT.44 |
| 45 | Quy trình thực hiện điều tra hoạt động xây dựng                                                                                              | QT.TTTT.45 |
| 46 | Quy trình thực hiện điều tra vốn đầu tư thực hiện                                                                                            | QT.TTTT.46 |
| 47 | Quy trình thực hiện Khảo sát mức sống dân cư                                                                                                 | QT.TTTT.47 |
| 48 | Quy trình thực hiện điều tra biến động dân số và KHIHGĐ thời điểm 01/4 hàng năm                                                              | QT.TTTT.48 |
| 49 | Quy trình thực hiện điều tra lao động việc làm                                                                                               | QT.TTTT.49 |
| 50 | Quy trình thực hiện điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thời điểm 01/10 hàng năm                                                       | QT.TTTT.50 |
| 51 | Quy trình thực hiện điều tra doanh nghiệp                                                                                                    | QT.TTTT.51 |
| 52 | Quy trình thực hiện Tổng điều tra                                                                                                            | QT.TTTT.52 |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BẢN CÔNG BỐ**

### **CỤC THÔNG KÊ HƯNG YÊN**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cục Thông kê Hưng Yên**  
**phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**  
**và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Cục Thông kê Hưng Yên**  
*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-CTK*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thông kê Hưng Yên.)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.**

**Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2021**

**CỤC TRƯỞNG**



**Đào Trọng Truyền**